

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp  
đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tiền Giang  
giai đoạn 2016 - 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/09/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BNNPTNT ngày 28/04/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục giống vật nuôi cao sản;

Căn cứ Thông tư số 30/2015/TT-BTC ngày 09/3/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, thanh toán và quyết toán các khoản hỗ trợ doanh nghiệp theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 43/2014/TT-BNNPTNT ngày 18/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục sản phẩm nông lâm thủy sản, sản phẩm phụ trợ, sản phẩm cơ khí để bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản được hỗ trợ theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị quyết số 128/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về nguồn vốn hỗ trợ thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 649/TTr-SKHĐT ngày 27/4/2016,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, giai đoạn 2016 - 2020.

**Điều 2.** Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Cai Lậy, thị xã Gò Công, thành phố Mỹ Tho tổ chức triển khai Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

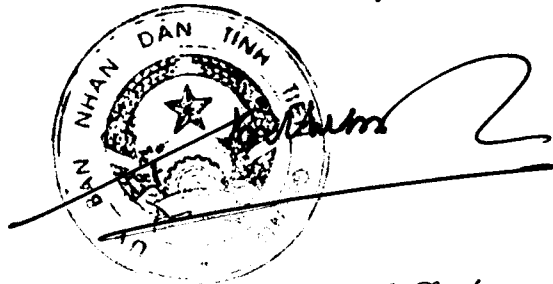
**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các sở, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Cai Lậy, thị xã Gò Công, thành phố Mỹ Tho và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VB);
- Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- UBND tỉnh: CT và các PCT;
- VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VPUB: CVP và các PCVP;
- Công TTĐT, Công báo tỉnh;
- Lưu VT, P.KTN (Tâm, Nhà).

15

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Phạm Anh Tuấn*

**QUY ĐỊNH**

**Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn  
trên địa bàn tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2016 - 2020**

*(Kèm theo Quyết định số ~~34~~ /2016/QĐ-UBND ngày 30 / 6 /2016  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)*

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2016 - 2020.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Doanh nghiệp được thành lập và đăng ký hoạt động theo Luật Doanh nghiệp được nhận ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP;
2. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

**Điều 3. Phân định các loại dự án đầu tư**

1. *Lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư* bao gồm những ngành, nghề được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.
2. *Vùng nông thôn* là khu vực địa giới hành chính không bao gồm địa bàn phường thuộc thị xã Cai Lậy, thị xã Gò Công và thành phố Mỹ Tho.
3. *Dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư* là dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư thực hiện tại địa bàn các huyện: Tân Phước và Tân Phú Đông.
4. *Dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư* là dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư thực hiện tại địa bàn các huyện: Gò Công Tây và Gò Công Đông.
5. *Dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư* là dự án đầu tư thuộc lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư thực hiện tại địa bàn các xã, thị trấn thuộc huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo; các xã thuộc thị xã Cai Lậy, thị xã Gò Công và thành phố Mỹ Tho.

**Điều 4. Nguyên tắc áp dụng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư**

1. Nhà đầu tư khi xây dựng vùng nguyên liệu có hợp đồng liên kết sản xuất nguyên liệu ổn định với người dân được ưu tiên xem xét ưu đãi, hỗ trợ đầu tư.

2. Trong cùng một thời gian, nếu doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng nhiều mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư khác nhau thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư có lợi nhất.

3. Các dự án đã sử dụng vốn tín dụng ưu đãi, vốn bảo lãnh tín dụng của Nhà nước không thuộc đối tượng sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách theo Quy định này.

## **Chương II** **CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ**

### **Mục 1** **ƯU ĐÃI VỀ ĐẤT ĐAI**

#### **Điều 5. Miễn, giảm tiền sử dụng đất**

1. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư nếu được Nhà nước giao đất thì được miễn tiền sử dụng đất đối với dự án đầu tư đó.

2. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư nếu được Nhà nước giao đất thì được giảm 70% tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách nhà nước đối với dự án đầu tư đó.

3. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư nếu được Nhà nước giao đất thì được giảm 50% tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách nhà nước đối với dự án đầu tư đó.

#### **Điều 6. Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của Nhà nước**

1. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư khi thuê đất, thuê mặt nước thì được áp dụng mức giá thấp nhất của loại đất tương ứng trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

2. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước kể từ ngày dự án hoàn thành đi vào hoạt động.

3. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong 15 năm đầu kể từ ngày dự án hoàn thành đi vào hoạt động.

4. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong 11 năm đầu kể từ ngày dự án hoàn thành đi vào hoạt động.

5. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, ưu đãi đầu tư và khuyến khích đầu tư được miễn tiền thuê đất đối với diện tích đất xây dựng nhà ở cho công nhân, đất trồng cây xanh và đất phục vụ phúc lợi công cộng.

#### **Điều 7. Hỗ trợ thuê đất, thuê mặt nước của hộ gia đình, cá nhân**

Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư nếu thuê đất, thuê mặt nước của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án đầu tư thì được hỗ trợ 20% tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định về đơn giá thuê đất cho 5 năm đầu tiên kể từ khi hoàn thành xây dựng cơ bản.

## **Điều 8. Miễn, giảm tiền sử dụng đất khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất**

1. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư nằm trong quy hoạch của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt được miễn nộp tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án theo quy định tại Quyết định này.

2. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư nằm trong quy hoạch của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt được giảm 50% tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án theo quy định tại Quyết định này.

## **Mục 2 HỖ TRỢ ĐẦU TƯ**

### **Điều 9. Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường và áp dụng khoa học công nghệ; hỗ trợ đầu tư nuôi trồng hải sản ở vùng biển gần bờ**

1. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, ưu đãi đầu tư và khuyến khích đầu tư được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ 70% kinh phí đào tạo nghề trong nước. Mỗi lao động chỉ được hỗ trợ đào tạo một lần và thời gian đào tạo được hỗ trợ kinh phí không quá 6 tháng. Mức kinh phí đào tạo phải phù hợp với các quy định hiện hành.

b) Hỗ trợ 50% chi phí quảng cáo doanh nghiệp và sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng; 50% kinh phí tham gia triển lãm hội chợ trong nước; được giảm 50% phí tiếp cận thông tin thị trường và phí dịch vụ từ cơ quan xúc tiến thương mại của Nhà nước.

c) Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu tạo ra công nghệ mới do doanh nghiệp chủ trì thực hiện nhằm thực hiện dự án, hoặc doanh nghiệp mua bản quyền công nghệ thực hiện dự án; được hỗ trợ 30% tổng kinh phí đầu tư mới để thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm.

2. Các khoản hỗ trợ nêu tại Điều a và b Khoản 1 Điều này được thực hiện theo dự án đầu tư. Tổng các khoản hỗ trợ cho một dự án là 10% tổng mức đầu tư dự án và không quá 1 tỷ đồng. Trường hợp doanh nghiệp không sử dụng hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước, các hỗ trợ này được tính vào chi phí sản xuất của doanh nghiệp khi quyết toán với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Các khoản hỗ trợ đối với các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định tại điểm c khoản 1 Điều này được lấy từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia và Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh và từ nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, mức hỗ trợ tối đa không quá 3 tỷ đồng/dự án.

### **Điều 10. Hỗ trợ đầu tư nuôi trồng hải sản trên biển**

1. Nhà đầu tư có dự án đầu tư nuôi trồng hải sản tập trung trên biển hoặc ven hải đảo được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ 100 triệu đồng cho 100 m<sup>3</sup> lồng nuôi đối với nuôi trồng hải sản ở vùng biển xa cách bờ trên 6 hải lý hoặc ven hải đảo.

b) Hỗ trợ 40 triệu đồng cho 100 m<sup>3</sup> lồng đối với nuôi trồng hải sản ở vùng biển gần bờ.

2. Các dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ quy định tại Khoản 1 Điều này phải bảo đảm các điều kiện sau:

a) Nằm trong quy hoạch được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chấp thuận cho phép đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nếu chưa có quy hoạch được duyệt.

b) Dự án có quy mô nuôi tối thiểu 5 ha hoặc có 10 lồng nuôi từ trên 100 m<sup>3</sup>/lồng trở lên.

c) Bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường.

d) Nhà đầu tư phải sử dụng tối thiểu 30% lao động tại tỉnh Tiền Giang.

### **Điều 11. Hỗ trợ đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm**

1. Nhà đầu tư có dự án đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung công nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ 02 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về điện, nước, nhà xưởng, xử lý chất thải và mua thiết bị. Đối với các dự án có công suất giết mổ lớn hơn so với quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều này thì mức hỗ trợ được tăng tương ứng với mức tăng công suất giết mổ, tính theo tỷ lệ %.

b) Trường hợp dự án chưa có đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước đến hàng rào dự án thì ngoài mức hỗ trợ theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều này, dự án được hỗ trợ thêm 70% chi phí xây dựng các hạng mục trên nhưng không quá 05 tỷ đồng.

2. Các dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

a) Công suất giết mổ một ngày đêm của mỗi dự án phải đạt tối thiểu 400 con gia súc hoặc 4.000 con gia cầm hoặc 200 gia súc và 2.000 con gia cầm.

b) Nằm trong khu quy hoạch giết mổ gia súc, gia cầm tập trung công nghiệp được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chấp thuận đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh nếu địa điểm đầu tư chưa có quy hoạch được duyệt.

c) Bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật về thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

d) Nhà đầu tư phải sử dụng tối thiểu 30% lao động tại tỉnh Tiền Giang.

### **Điều 12. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc**

1. Nhà đầu tư có dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc có quy mô nuôi tập trung được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ chung:

- Dự án chăn nuôi bò sữa cao sản: Hỗ trợ 5 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng, đồng cỏ và mua thiết bị.

- Các dự án còn lại: hỗ trợ 3 tỷ đồng/dự án.

b) Hỗ trợ xây dựng đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước đến hàng rào dự án: Dự án chưa có đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước đến hàng rào dự án, hỗ trợ 70% chi phí và không quá 5 tỷ đồng để đầu tư xây dựng các hạng mục trên.

c) Hỗ trợ khác:

- Dự án nhập giống gốc cao sản vật nuôi: Hỗ trợ không quá 40% chi phí nhập giống gốc.

- Dự án nhập bò sữa giống từ các nước phát triển cho doanh nghiệp nuôi trực tiếp và nuôi phân tán trong các hộ gia đình: Hỗ trợ 15 triệu đồng/con (có thể lập dự án riêng).

2. Các dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ theo quy định tại Điểm a và b Khoản 1 Điều này phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

a) Có quy mô chăn nuôi thường xuyên tập trung từ 1.000 con trở lên đối với lợn thịt; hoặc từ 500 con trở lên đối với trâu, bò, dê, cừu thịt; hoặc từ 200 con đối với bò thịt cao sản nhập ngoại; hoặc từ 500 con đối với bò sữa cao sản.

b) Dự án nằm trong quy hoạch được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chấp thuận đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh nếu địa điểm đầu tư chưa có quy hoạch được duyệt.

c) Bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật về thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

d) Nhà đầu tư phải sử dụng tối thiểu 30% lao động tại tỉnh Tiền Giang

### **Điều 13. Hỗ trợ trồng cây dược liệu**

1. Nội dung hỗ trợ: Xây dựng đồng ruộng, cây giống đối với nhà đầu tư có dự án trồng cây dược liệu có quy mô từ 50 ha trở lên: hỗ trợ 15 triệu đồng/ha.

2. Các dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ quy định tại Khoản 1 Điều này phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Nằm trong quy hoạch được duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc chấp thuận đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh nếu địa điểm đầu tư chưa có quy hoạch được duyệt.

b) Cây dược liệu nằm trong danh mục ưu tiên và khuyến khích phát triển do Bộ Y tế ban hành, Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển dược liệu đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

c) Nhà đầu tư phải sử dụng tối thiểu 30% lao động tại tỉnh Tiền Giang.

### **Điều 14. Hỗ trợ đầu tư cơ sở sấy lúa, ngô, khoai, sắn phụ phẩm thủy sản**

1. Nhà đầu tư có dự án đầu tư cơ sở sấy lúa, ngô, khoai, sắn phụ phẩm thủy sản được ngân sách nhà nước hỗ trợ 2 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị.

2. Các dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải bảo đảm các điều kiện:

a) Công suất cơ sở sấy lúa, ngô, khoai phải đạt tối thiểu 150 tấn sản phẩm/ngày; sấy phụ phẩm thủy sản đạt tối thiểu 50 tấn sản phẩm/ngày.

b) Dự án nằm trong quy hoạch được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chấp thuận đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh nếu địa điểm đầu tư chưa có quy hoạch được duyệt.

c) Bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường.

d) Nhà đầu tư phải sử dụng tối thiểu 30% lao động và 60% nguyên liệu lúa, ngô, khoai, phụ phẩm thủy sản tại tỉnh Tiền Giang.

### **Điều 15. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chế tạo, bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản**

1. Nhà đầu tư có dự án đầu tư nhà máy hoặc cơ sở bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản; cơ sở sản xuất sản phẩm phụ trợ; chế tạo thiết bị cơ khí để bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

a) Xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án: Hỗ trợ 60% chi phí và tổng mức hỗ trợ không quá 5 tỷ đồng/dự án.

b) Chi phí xử lý chất thải: Hỗ trợ không quá 70% chi phí xử lý chất thải cho các nhà máy chế biến nông, lâm, thủy sản có doanh thu hàng năm trên 100 tỷ đồng hoặc sử dụng ít nhất 200 lao động có hợp đồng dài hạn và được đóng bảo hiểm xã hội.

c) Chi phí vận chuyển sản phẩm: Hỗ trợ 1.500 đồng/tấn/km trong thời gian 5 năm, hỗ trợ một lần ngay sau khi hoàn thành đầu tư; trong đó:

- Khoảng cách hỗ trợ được tính từ địa điểm đặt nhà máy hoặc cơ sở bảo quản, chế biến đến trung tâm tỉnh theo đường ô tô gần nhất.

- Khối lượng vận chuyển tính theo công suất thực tế nhà máy.

d) Xây dựng đường giao thông, hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước đến hàng rào dự án: Dự án chưa có đường giao thông, hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước đến hàng rào dự án, hỗ trợ 70% chi phí và tổng mức hỗ trợ không quá 5 tỷ đồng/dự án để đầu tư xây dựng các hạng mục nêu trên (có thể lập dự án riêng).

2. Các dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ quy định tại Khoản 1 Điều này phải bảo đảm các điều kiện sau:

a) Giá trị sản phẩm sau chế biến tăng ít nhất 2 lần so với giá trị nguyên liệu thô ban đầu.

b) Bảo đảm tiêu chuẩn an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và quy mô công suất tối thiểu theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.



c) Nằm trong quy hoạch được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chấp thuận đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh nếu địa điểm đầu tư chưa có quy hoạch được duyệt.

d) Bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường.

đ) Dự án không thuộc các đối tượng quy định tại Điều 14 của Quy định này.

e) Nhà đầu tư có dự án chế biến, bảo quản nông lâm thủy sản phải sử dụng tối thiểu 30% lao động và 60% nguyên liệu nông lâm thủy sản chính tại tỉnh.

### **Chương III** **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN HỖ TRỢ ĐẦU TƯ**

#### **Điều 16. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ đầu tư**

##### **1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư**

Để được hỗ trợ, doanh nghiệp cần nộp hồ sơ như sau:

a) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

b) Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có) kèm theo báo cáo tóm tắt tình hình và kết quả thực hiện dự án từ khi bắt đầu hoạt động đến thời điểm đề nghị hỗ trợ đầu tư (đối với trường hợp dự án đầu tư đã triển khai);

Trường hợp dự án chưa được cấp giấy chứng nhận đầu tư, doanh nghiệp nộp kèm theo giải trình kinh tế - kỹ thuật về mục tiêu, quy mô, địa điểm đầu tư, vốn đầu tư, trong đó giải trình rõ về các khoản kiến nghị hỗ trợ đầu tư.

c) Bản đề nghị hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Quy định này, trong đó giải trình rõ lý do và cách tính các khoản kiến nghị hỗ trợ đầu tư theo mẫu quy định tại Phụ lục II Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Doanh nghiệp có dự án đầu tư thuộc đối tượng được hưởng hỗ trợ đầu tư theo Quy định này nộp 08 bộ hồ sơ (trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc, hồ sơ còn lại được đóng dấu giáp lai của doanh nghiệp thực hiện) theo đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Bộ phận 01 cửa) để chủ trì thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các thông tin ghi trong hồ sơ đề nghị Nhà nước ưu đãi, hỗ trợ đầu tư (cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP).

##### **2. Lựa chọn hình thức thực hiện hỗ trợ**

Doanh nghiệp được lựa chọn một trong hai hình thức hỗ trợ sau:

a) Hình thức thực hiện theo quy trình đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành: Điều kiện là các nội dung hỗ trợ phải được UBND tỉnh (hoặc cơ quan được UBND tỉnh ủy quyền) phê duyệt thiết kế, dự toán hạng mục, công trình hoặc phê duyệt thiết kế tổng dự toán của cả dự án trước khi triển khai.

b) Hình thức tự thực hiện: Doanh nghiệp tự phê duyệt thiết kế và dự toán theo quy định chung, tự phân chia hạng mục đầu tư, gói thầu, tự tổ chức thực hiện nội dung hỗ trợ (có thể thuê nhà thầu hoặc không thuê nhà thầu). Trường hợp này doanh nghiệp được thanh toán theo mức hỗ trợ quy định tại Phụ lục I Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

### 3. Trình tự, thủ tục cấp quyết định hỗ trợ đầu tư

a) Sau khi doanh nghiệp nộp đủ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này trong thời hạn 03 ngày làm việc, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện (nơi thực hiện dự án) và cơ quan chuyên ngành liên quan.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, các cơ quan Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện (nơi thực hiện dự án) và cơ quan chuyên ngành liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ có ý kiến thẩm tra bằng văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và chịu trách nhiệm về những vấn đề thuộc chức năng quản lý của mình.

c) Nội dung thẩm tra hồ sơ dự án:

- Dự án đầu tư thuộc đối tượng trong Quy định này.
- Dự án đầu tư đáp ứng các điều kiện được hỗ trợ đầu tư theo Quy định này.
- Rà soát các hỗ trợ đầu tư mà doanh nghiệp đề nghị theo Quy định này.

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn nhận ý kiến của các cơ quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan và căn cứ khả năng cân đối ngân sách đối với đề nghị hỗ trợ đầu tư của doanh nghiệp để lập báo cáo thẩm tra trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ đầu tư cho dự án.

Trường hợp có nhiều ý kiến khác nhau, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức họp thẩm tra trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm tra của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh ban hành quyết định hỗ trợ đầu tư cho dự án. Trường hợp từ chối một phần hoặc toàn bộ hỗ trợ đầu tư theo đề nghị của doanh nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho doanh nghiệp biết.

### **Điều 17. Nghiệm thu hoàn thành**

1. Nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư, gói thầu của dự án

a) Doanh nghiệp và nhà thầu (nếu có) tự nghiệm thu và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung nghiệm thu.

b) Sau khi hoàn thành tự nghiệm thu, trường hợp doanh nghiệp cần giải ngân khoản hỗ trợ theo Quy định này, doanh nghiệp có văn bản đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác nhận khối lượng hoàn thành hạng mục đầu tư, gói thầu, nghiệm thu hoàn thành dự án được hỗ trợ theo Quy định này; trừ các đề tài, hạng mục dự án về khoa học công nghệ quy định tại Điểm c,

Khoản 1, Điều 9 của Quy định này do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì xác nhận, nghiệm thu hoàn thành.

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của doanh nghiệp, cơ quan chủ trì nghiệm thu kiểm tra và lập biên bản xác nhận khối lượng hoàn thành hạng mục đầu tư, gói thầu của dự án. Mỗi thành viên tham gia xác nhận được giữ 01 bản, doanh nghiệp được giữ 02 bản làm căn cứ pháp lý để giải ngân khoản hỗ trợ với Kho bạc Nhà nước.

- Trường hợp hạng mục đầu tư, gói thầu phức tạp về kỹ thuật, cơ quan chủ trì nghiệm thu mời thêm cơ quan chuyên ngành xác nhận khối lượng hoàn thành.

## 2. Nghiệm thu dự án hoàn thành

### a) Hồ sơ nghiệm thu:

- Văn bản đề nghị của doanh nghiệp (bản chính);  
- Quyết định hỗ trợ đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh;  
- Quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán theo thẩm quyền quy định tại Khoản 16, Điều 3, Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Hợp đồng mua bán (trường hợp mua bán hàng hóa);  
- Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, chứng nhận chất lượng hàng hóa (nếu là hàng hóa nhập khẩu);

- Báo cáo kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm (đối với sản phẩm khoa học công nghệ).

b) Doanh nghiệp nộp 03 bộ hồ sơ nêu trên trong đó có một bộ hồ sơ gốc theo đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho cơ quan chủ trì nghiệm thu.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan chủ trì nghiệm thu có trách nhiệm mời đại diện Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, cơ quan chuyên ngành liên quan, UBND cấp huyện (nơi thực hiện dự án) và đại diện doanh nghiệp tiến hành nghiệm thu dự án hoàn thành.

### c) Nội dung nghiệm thu

- Kiểm tra hồ sơ nghiệm thu, xác nhận khối lượng hoàn thành, kiểm tra việc thực hiện dự án theo các quy định tại Quy định này.

- Cơ quan chủ trì nghiệm thu lập biên bản nghiệm thu dự án hoàn thành, có chữ ký của các đại diện tham gia nghiệm thu, mỗi thành viên tham gia nghiệm thu được giữ 01 bản; doanh nghiệp được giữ 02 bản làm căn cứ pháp lý để giải ngân khoản hỗ trợ với Kho bạc Nhà nước.

## **Điều 18. Thanh toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ**

### 1. Thanh toán các khoản kinh phí hỗ trợ

a) Doanh nghiệp có dự án đầu tư thuộc đối tượng được hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP gửi một (01) bộ hồ sơ trực tiếp (hoặc qua đường bưu điện) đến Sở Tài chính; thành phần hồ sơ theo quy định tại các Điều 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Thông tư số 30/2015/TT-BTC ngày 09/3/2015 của Bộ Tài chính. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

(theo dấu công văn đến), Sở Tài chính thẩm định hồ sơ, phối hợp với Kho bạc nhà nước thực hiện chi trả tiền hỗ trợ cho đối tượng được hỗ trợ.

b) Sở Tài chính căn cứ dự toán ngân sách được phê duyệt, kiểm soát hồ sơ chứng từ của từng khoản chi, bảo đảm các điều kiện thanh toán chi trả ngân sách theo quy định; ra lệnh chi tiền gửi Kho bạc Nhà nước để chi trả cho doanh nghiệp.

## 2. Quyết toán các khoản kinh phí hỗ trợ

a) Việc quyết toán kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

b) Các khoản kinh phí còn dư (nếu có) phải hoàn trả lại ngân sách nhà nước, trường hợp có nhu cầu sử dụng, Sở Tài chính phải báo cáo Bộ Tài chính xem xét xử lý theo quy định.

## **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 19. Chế độ báo cáo và giám sát đầu tư**

1. UBND tỉnh giao các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã thực hiện giám sát, đánh giá tình hình thực hiện ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo quy định này, tổng hợp báo cáo định kỳ hàng năm vào tháng 9 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo UBND tỉnh để báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Khi doanh nghiệp hoàn thành đầu tư dự án, doanh nghiệp lập báo cáo giám sát, đánh giá thực hiện đầu tư dự án theo quy định của Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/09/2015 của Chính phủ về Giám sát và đánh giá đầu tư gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp.

### **Điều 20. Nguồn vốn và cơ chế hỗ trợ đầu tư**

#### 1. Nguồn vốn

a) Ngân sách Trung ương: Hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương; vốn lồng ghép từ các chương trình dự án và ngân sách địa phương theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 210/2013/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

b) Ngân sách tỉnh: Đảm bảo cân đối ngân sách 2% trên tổng số chi hàng năm từ ngân sách cấp tỉnh, không kể các khoản hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, để thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, giai đoạn 2016-2020. Riêng trong năm 2016, cân đối 10 tỷ đồng để thực hiện.

#### 2. Cơ chế hỗ trợ đầu tư

a) Ngân sách Trung ương hỗ trợ cho dự án có mức cần hỗ trợ trên 2 tỷ đồng.

b) Ngân sách tỉnh hỗ trợ cho dự án còn lại, gồm cả những dự án lớn hơn 2 tỷ đồng nhưng không thuộc đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ từ ngân sách Trung ương.

**Điều 21. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Cai Lậy, thị xã Gò Công và thành phố Mỹ Tho**

**1. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện và theo dõi tình hình thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp với Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Du lịch tỉnh tổ chức thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và công bố danh mục các dự án mời gọi đầu tư thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan dự kiến cân đối mức vốn sử dụng ngân sách địa phương hàng năm và trung hạn báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tổng mức vốn thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP hàng năm và trung hạn của tỉnh.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp kế hoạch kinh phí hỗ trợ của các doanh nghiệp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp có thẩm quyền quyết định.

đ) Tổ chức thẩm tra và trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp quyết định ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định.

**2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

a) Tổ chức rà soát quy hoạch ngành, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Mỹ Tho đề xuất danh mục dự án mới gọi đầu tư, danh mục dự án đưa vào kế hoạch hỗ trợ đầu tư hàng năm và kế hoạch đầu tư trung hạn.

b) Chủ trì tổ chức xác nhận khối lượng hoàn thành các hạng mục đầu tư, gói thầu của doanh nghiệp có đề nghị ngân sách hỗ trợ; nghiệm thu hoàn thành dự án được hỗ trợ theo Quy định này; trừ các đề tài, hạng mục, dự án về khoa học công nghệ.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng thẩm định, đánh giá và công nhận tiến bộ khoa học và công nghệ mới của các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và công bố danh mục các dự án đã đầu tư vào nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao có hiệu quả.

d) Thực hiện việc quản lý chất lượng nông, lâm sản, thủy sản và điều kiện đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm sản và thủy sản theo quy định của pháp luật.

**3. Sở Tài chính**

a) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư theo Quy định này.

b) Chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh thực hiện thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ. Hướng dẫn trình tự, thủ tục thanh quyết toán, quyết toán các khoản hỗ trợ đầu tư;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên ngành giám sát việc thực hiện triển khai các dự án trong tỉnh, kiểm tra việc quản lý, sử dụng các khoản hỗ trợ theo quy định của pháp luật. Trường hợp phát hiện những khoản hỗ trợ sai quy định, lập biên bản ra quyết định thu hồi và xử lý theo các quy định hiện hành.

#### 4. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Hướng dẫn trình tự, thủ tục cho thuê đất, thuê mặt nước đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xác định đơn giá cho thuê đất, thuê mặt nước đối với các dự án mà khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá đất) từ 20 tỷ đồng trở lên.

c) Hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện trình tự, thủ tục lập, trình thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc lập, đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường; kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường đối với các doanh nghiệp theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

#### 5. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Hướng dẫn các nhà đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản đăng ký và xây dựng tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa; đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp.

b) Hướng dẫn trình tự, thủ tục và trình phê duyệt kinh phí hỗ trợ thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu, chuyên gia, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất, chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản có ứng dụng công nghệ cao từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh và từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ.

c) Chủ trì tổ chức xác nhận khối lượng hoàn thành các hạng mục đầu tư, gói thầu của doanh nghiệp có đề nghị ngân sách hỗ trợ; nghiệm thu hoàn thành dự án được hỗ trợ theo Quy định này đối với các đề tài, hạng mục, dự án về khoa học công nghệ quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 9 của Quy định này.

#### 6. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tổng hợp nhu cầu và bố trí kinh phí hỗ trợ, đào tạo nghề cho người lao động nông thôn tham gia làm việc trong các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

b) Hướng dẫn trình tự, thủ tục hỗ trợ đào tạo nghề cho nhà đầu tư có dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

#### 7. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp tỉnh Tiền Giang trong đó có phần quy hoạch về cơ sở chế tạo thiết bị cơ khí để chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; điều chỉnh quy hoạch phát triển thương mại tỉnh Tiền Giang trong đó có quy hoạch chợ nông thôn.

b) Nghiên cứu, đề xuất, triển khai các giải pháp, chính sách hỗ trợ phát triển thị trường cho sản phẩm chủ lực của tỉnh, sản phẩm đa dạng có lợi thế của doanh nghiệp và người dân tỉnh Tiền Giang.

8. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình Tiền Giang, Báo Ấp Bắc tuyên truyền chủ trương, kết quả thực hiện chính sách khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

9. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại - Du lịch tỉnh Tiền Giang

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành hướng dẫn trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ đầu tư cụ thể của tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Chương II, Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/09/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

b) Chủ trì, phối hợp với sở, ngành địa phương liên quan tổ chức các hoạt động xúc tiến thu hút doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

c) Tổng hợp danh mục, lập thông tin chi tiết dự án mời gọi đầu tư vào nông nghiệp nông thôn, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tiến hành công bố danh mục dự án mời gọi đầu tư.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức Hội nghị kết nối giao thương các sản phẩm nông nghiệp với các doanh nghiệp trong và ngoài nước; đồng thời, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia các hội chợ, triển lãm xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường trong và ngoài nước, cung cấp các thông tin về giá cả thị trường.

10. Cục Thuế tỉnh

a) Hướng dẫn và thực hiện các chế độ ưu đãi về đất đai đối với các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

b) Hướng dẫn trình tự, thủ tục miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

c) Hướng dẫn trình tự, thủ tục hạch toán các khoản chi đầu tư vào chi phí sản xuất trong trường hợp nhà đầu tư không sử dụng hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xác định đơn giá cho thuê đất, thuê mặt nước đối với các dự án mà khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá đất) dưới 20 tỷ đồng.

11. Ngân hàng nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Tiền Giang

Chỉ đạo các Ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh hướng dẫn thủ tục và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đầu tư được vay vốn và được hưởng hỗ trợ lãi suất theo quy định.

12. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, thị xã Cai Lậy

a) Triển khai Quy định này đến các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn. Hàng năm rà soát quy hoạch đảm bảo điều kiện thu hút đầu tư và lập danh mục các dự án kêu gọi đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn gửi Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại - Du lịch tỉnh Tiền Giang tổng hợp trình UBND tỉnh. Chủ trì thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, thực hiện quản lý Nhà nước trên địa bàn.

b) Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Công Thương trong việc lập quy hoạch, rà soát quy hoạch về: giết mổ gia súc, gia cầm, chăn nuôi gia súc theo hướng tập trung công nghiệp; phát triển cây công nghiệp chính; cây dược liệu tại vùng có điều kiện tự nhiên, địa lý phù hợp; nuôi trồng thủy sản; cơ sở chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; cơ sở chế tạo thiết bị cơ khí chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; chợ nông thôn.

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan xác định đơn giá cho thuê đất, thuê mặt nước đối với từng dự án trên địa bàn mình quản lý theo quy định hiện hành.

d) Phối hợp với các sở, Ban, ngành liên quan kiểm tra đôn đốc chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án đúng tiến độ đề ra. Giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các vướng mắc, khó khăn của nhà đầu tư trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

## **Điều 22. Điều khoản thi hành**

1. Các dự án đầu tư triển khai thực hiện trước khi Quy định này có hiệu lực thi hành nếu đang được hưởng ưu đãi, hỗ trợ thì tiếp tục được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đã cấp hoặc có quyền đề nghị hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy định tại Điều 14 của Thông tư 05/2014/TT-BKHĐT cho thời gian còn lại của dự án.

2. Trường hợp doanh nghiệp thực hiện không đúng nội dung ưu đãi, hỗ trợ so với quyết định hỗ trợ đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thu hồi các ưu đãi, hỗ trợ của nội dung thực hiện không đúng và nộp về ngân sách nhà nước hoặc chuyển hỗ trợ cho các dự án khác đã có quyết định ưu đãi, hỗ trợ (sau khi xin có ý kiến thống nhất của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương).

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện đúng Quy định này. Trong quá trình thực hiện có vướng mắc phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

  
*Phạm Anh Tuấn*



## PHỤ LỤC

### Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2016 - 2020

(Kèm theo Quyết định số 34 /2016/QĐ-UBND ngày 30 / 6 /2016  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)



1. Trồng rừng, bảo vệ rừng, trồng cây dược liệu.
2. Xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến. Xây dựng cánh đồng lớn.
3. Chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản, hải sản tập trung.
4. Sản xuất, phát triển giống cây trồng, giống vật nuôi, giống cây lâm nghiệp, giống thủy sản.
5. Ứng dụng công nghệ sinh học; công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy hải sản.
6. Đánh bắt hải sản ở vùng biển xa bờ.
7. Sản xuất, tinh chế muối.
8. Sản xuất nguyên liệu và chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản, chế phẩm sinh học.
9. Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản, dược liệu.
10. Sản xuất bột giấy, giấy, bìa, ván nhân tạo trực tiếp từ nguồn nguyên liệu nông, lâm sản.
11. Sản xuất thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.
12. Sản xuất hàng thủ công; sản phẩm văn hóa, dân tộc truyền thống.
13. Xây dựng hệ thống cấp nước sạch, thoát nước.
14. Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở giết mổ, bảo quản chế biến gia súc, gia cầm, tập trung, công nghiệp.
15. Xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường; thu gom, xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn.
16. Xây dựng chợ nông thôn; xây dựng ký túc xá công nhân ở nông thôn.
17. Sản xuất máy, thiết bị, chất phụ gia, phụ trợ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp, máy chế biến thực phẩm.
18. Dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y ở vùng nông thôn.
19. Dịch vụ tư vấn đầu tư, khoa học, kỹ thuật về sản xuất nông, lâm, thủy sản và nghề muối ở vùng nông thôn./.

